

PHỤ BIỂU 02. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG NÔ

STT	Hạng mục	Mã kế hoạch	Diện tích (ha)	Hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm
					Diện tích	Lấy vào loại đất	
I	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC XÁC ĐỊNH TRONG NĂM KẾ HOẠCH TRƯỚC VÀ CÁC						
1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh						
-	Công trình quốc phòng	CQP	6,00		6,00	CLN	Đắk Drô
-	Trụ sở công an xã	CAN	0,23	0,23		CLN	Nam Đà
-	Trụ sở công an xã	CAN	0,10	0,10		DGD	Nam Xuân
-	Trụ sở công an xã	CAN	0,10		0,10	CLN	Năm N'Dir
-	Trụ sở công an xã	CAN	0,10	0,10		CLN	Đắk Sôr
-	Trụ sở công an xã	CAN	0,20	0,20		TMD	Quảng Phú
-	Trụ sở công an xã	CAN	0,10	0,10		NHK	Buôn Choah
-	Trụ sở công an xã	CAN	0,16		0,16	CLN	Đắk Nang
-	Trụ sở công an xã	CAN	0,23	0,23		CLN	Tân Thành
-	Trụ sở công an xã	CAN	0,10	0,10		TSC	Đắk Drô
-	Trụ sở công an xã	CAN	0,20	0,20		TSC	Đức Xuyên
-	Trụ sở công an xã	CAN	0,25		0,25	CLN	Năm Nung
2	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất						
-	Khuôn viên cây xanh	DKV	1,70		1,70	HNK,CLN	Đắk Drô
-	Mở rộng bãi rác	DRA	5,00		5,00	CLN	TT Đắk
-	Hệ thống kênh mương Hồ Nam Xuân, tỉnh Đắk Nông	DTL	36,69	-	36,69	HNK,CLN	TT Đắk Mâm, Tân Thành, Nam Đà, Nam Xuân
-	Mở rộng trạm y tế xã Năm N'dir	DYT	0,04		0,04	CLN	Năm N'Dir
-	Trung tâm xã Đắk Nang	ONT, DGT	2,20	0,72	1,48	CLN	Đắk Nang
-	Trung tâm xã Đức Xuyên	ONT, DGT	1,60		1,60	LUC	Đức Xuyên
-	Chỉnh trang khu dân cư đô thị (khu vực nhà ông Cát)	ODT	2,50		2,50	CLN, HNK, LUK, NTS	TT Đắk Mâm
-	Bố trí dân cư vùng lũ xã Buôn Choah	ONT,	12,84	-	12,84	HNK,RS M	Buôn Choah
-	Thủy điện Đắk Sôr 4	DNL	18,47		18,47	CLN, LUK	xã Nam Xuân
3	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất						
3.1	Chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư, đầu tư công						
-	Chợ xã Nam Xuân	DCH	0,35		0,35	DKV, CLN	Nam Xuân
-	Hội trường thôn Phú Tiến	DKV	0,02		0,02	HNK	Đắk Nang
-	Hội trường thôn Xuyên Hải	DKV	0,05		0,05	DCH	Đức Xuyên
-	Hội trường thôn Xuyên An	DKV	0,05		0,05	HNK	Đức Xuyên
-	Hội trường thôn Bon RCập	DKV	0,15		0,15	CLN	Năm Nung
-	Hồ chứa nước Đắk Na	DTL	92,96		92,96	CLN, HNK, RST, SON	Tân Thành, Năm Nung
-	Trung tâm văn hóa, thể thao, truyền thông huyện	DVH	2,00		2,00	NHK	TT Đắk Mâm
-	Trạm y tế xã	DYT	0,22		0,22	CLN	Đắk Sôr
-	Trạm y tế xã	DYT	0,20		0,20	CLN	Buôn Choah

-	Mỏ than bùn Bầu Mìn	SKS	39,80		39,80	NHK	Nâm N'Dir
-	Mỏ đá bazan Bon Jók Du, xã Nâm Nung	SKS	0,50		0,50	CLN	Nâm Nung
-	Mỏ cát xây dựng thôn Phú Hưng xã Quảng Phú	SKS	2,05	0,42	1,63	SON,SKX	Quảng Phú
-	Mở rộng bãi tập kết cát xây dựng thôn Phú Thuận, xã Quảng Phú (mỏ cát Quảng Phú 4, xã Quảng Phú, huyện	SKS	0,20		0,20	CLN	Quảng Phú
-	Mỏ cát thôn Buôn Choah, xã Buôn	SKS	6,50		6,50	NHK	Buôn Choah
-	Mỏ vật liệu san lấp	SKS	89,37	-	89,37	HNK,CLN,SON	Nam Xuân, Tân Thành, Nâm N'Dir, Đắc Nang, Đức Xuyên, Quảng Phú, Đắc Sôr, Nâm Nung, TT Đắc Mâm, Nam Đà
-	Bãi tập kết và kinh doanh cát	SKS	4,50		4,50	CLN	Đắc Drô
-	Mỏ đá Bazan Đèo 52 xã Quảng Phú (Mở rộng)	SKS	4,41		4,41	CLN	Quảng Phú
3.2	Đầu giá quyền sử dụng đất		5,91				
-	Khu đất đầu giá trụ sở của lâm trường Quảng Đức sang đất ở, đầu giá quyền sử dụng đất	ONT	0,50		0,50	TSC	Quảng Phú
-	Khu DO-21, DO-22, DO-23 (Tên củ của dự án là " Khu đất đầu giá Quyền sử dụng đất ở nông thôn")	ONT	0,57		0,57	CLN, DTT	Nâm Nung
-	Khu đất tại thôn Nam Tiến (Tên củ của dự án là " Khu đất đầu giá Quyền sử dụng đất ở nông thôn")	ONT	0,50		0,50	CLN	Nâm Nung
-	Thửa đất tại thôn Phú Hưng (Tên củ của dự án là " Khu đất đầu giá ở nông thôn tại thôn Phú Hưng")	ONT	0,09		0,09	CLN	Quảng Phú
-	Thửa đất tại thôn Phú Xuân (Tên củ của dự án là " Khu đất đầu giá ở nông thôn tại thôn Phú Hưng")	ONT	0,02		0,02	CLN	Quảng Phú
	Hội trường thôn Đắc Thành (Tên củ của dự án là "Đầu giá đất ở tại nông thôn")	ONT	0,03		0,03	DKV	Đắc Sôr
	Khu G - khu vực Rừng trồng (Tên củ của dự án là "Đầu giá đất ở tại nông	ONT	1,44		1,44	CLN	Đắc Sôr
	Khu đất đầu giá hội trường Buôn Krue (phân hiệu trường MN Hồng Hà)	ONT	0,03		0,03	DGD	Đắc Nang
	Khu đất đầu giá trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân để đầu giá đất ở	ONT	0,50		0,50	DGD	Buôn Choah
	Khu đất đầu giá đất đai tường niệm cũ tại bon Yók Ju	ONT	0,09		0,09	DVH	Nâm Nung
	Phân lô đầu giá đất ở tại xã Đắc Drô (Khu LP02, LP03)	ONT	0,97		0,97	HNK	Đắc Drô
	Thửa đất đầu giá tại thôn Xuyên Hà xã Đức Xuyên	ONT	0,04		0,04	DTL	Đức Xuyên
-	Phân lô đầu giá đất ở tại thôn Xuyên Phước, xã Đức Xuyên	ONT	1,07		1,07	LUC	Đức Xuyên
-	Đất công trình nước sạch cũ tại Bon Đắc Pri, xã Nâm N'Dir	ONT	0,03	0,03		ONT	Nâm N'Dir

-	Khu đất HTX cũ do xã quản lý tại thôn Nam Thành	ONT	0,03	0,03		ONT	Nam Đà
-	Cánh đồng La Trao (sau bến xe) (Tên cũ của dự án là 'Đầu giá Quyền sử dụng đất ở tại đô thị (khu vực La Trao tại TDP2, Hội trường cũ TDP1')	ODT	0,39	0,39		ODT	TT Đắc Mâm
-	Cánh đồng La Trao (lô số 7 cạnh quảng trường) (Tên cũ của dự án là 'Đầu giá Quyền sử dụng đất ở tại đô thị (khu vực La Trao tại TDP2, Hội trường cũ TDP1')	ODT	0,04	0,04		ODT	TT Đắc Mâm
3.3	Các dự án kêu gọi đầu tư						
-	Khu thực nghiệm huyện Krông Nô	NKH	0,63		0,63	PNK	Đắc Drô
-	Trang trại Nông nghiệp Du lịch Đam San (tổng diện tích quy hoạch là 37,50 ha)	NKH,PNK	37,50		37,50	CLN,HN K	Buôn Choah
-	Trang trại Nông nghiệp công nghệ cao Nam Ka (tổng diện tích quy hoạch là 48,50 ha)	NKH,TMD	48,50		48,50	CLN,HN K	Buôn Choah
-	Khu phố thương mại	ODT	0,40	-	0,40	DCH	TT Đắc Mâm
-	Nhà máy sản xuất lúa gạo	SKC	1,50	-	1,50	HNK, DTT	Buôn Choah
3.4	Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân		22,52		22,52		
-	Nhu cầu chuyển đổi mục đích trong nội bộ đất nông nghiệp tại các xã	NKH	32,00		32,00	LUK,HN K,NTS,C LN	Các xã, Thị trấn
-	Nhu cầu chuyển đổi mục đích đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp (Không phải đất ở) (Đất TMDV thôn Exano)	TMD	0,10	-	0,10	CLN	Đắc Drô
4	Các khu vực sử dụng đất khác						
4.1	Giao đất, cho thuê đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp						
1	Đất phi nông nghiệp khác phục vụ các trang trại chăn nuôi, đất nông nghiệp	PNK	16,50	-	16,50	HNK,CL N	Các xã, thị trấn
4.2	Giao đất, cho thuê đất hiện có cho đối tượng có nhu cầu sử dụng và hoàn thiện thủ tục						
-	Trường mầm non Hồng Hà	DGD	0,26	0,26	0,00		Đắc Nang
-	Trường THCS Năm Nung	DGD	2,20	2,20	0,00		Năm Nung
-	Trường tiểu học Võ Thị Sáu	DGD	0,25	0,25	0,00		Đắc Nang
-	Hội trường thôn Xuyên Hà	DKV	0,05	0,05	0,00		Đức Xuyên
-	Xây dựng Nhà văn hoá xã	DVH	0,40	0,40	0,00		Đắc Nang
-	Giao đất nông nghiệp tại xã Buôn Choah	HNK	104,50	104,50	0,00		Buôn Choah
-	Giao, cho thuê đất khu vực Cù Lao xã Buôn Choah	HNK	1,50	1,50	0,00		Buôn Choah
-	Nghĩa địa thôn Phú Vinh	NTD	1,50	1,50	0,00		Quảng Phú
-	Nghĩa địa thôn Phú Hòa	NTD	2,00	2,00	0,00		Quảng Phú
-	Mở rộng nghĩa địa trung tâm xã	NTD	1,30	1,30	0,00		Tân Thành
-	Giao quỹ đất nhỏ hẹp trên địa bàn huyện Krông Nô	OTC	0,50	0,50	0,00		Các xã, thị trấn
-	Giao đất ở không thông qua đấu giá	OTC	3,25	3,25	0,00		TT Đắc Mâm, Đắc Sôr

-	Giao đất ở cho các hộ dân di cư tự do trên địa bàn xã Nam Nung không thông qua đấu giá	ONT	2,00		2,00	HNK,CLN	Nam Nung
-	Giao đất ở cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã Nam Nung không thông qua đấu giá	ONT	1,20		1,20	HNK,CLN	Nam Nung
-	Giao, cho thuê đất sông, ao, hồ, mặt nước chuyên dùng kết hợp nuôi trồng	SON,MNC	100,00	100,00	0,00		Các xã, thị trấn
-	Chi hội tín lành Đắc Ri, xã Tân Thành	TON	0,20	0,20	0,00		Tân Thành
-	Trụ sở UBND xã Nam Nung	TSC	0,45	0,45	0,00		Nam Nung
-	Hoàn thiện lưới điện trung áp sau TBA 110 Kv Krông Nô	DNL	0,10		0,10	HNK,CLN	TT Đắc Mâm,Đắc Sôr,Nam Xuân,Tân Thành,Quảng Phú
-	Cải tạo và phát triển lưới điện trung, hạ áp khu vực trung tâm huyện, lỵ, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Đắc Nông	DNL	0,25		0,25	HNK,CLN	TT Đắc Mâm,Đắc Sôr,Nam Xuân,Nam Đà,Tân Thành,Đắc Drô,Nam Nung,Nam N'Dir
-	Xây dựng cơ sở vật chất du lịch công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắc Nông tại điểm số 8 (núi lửa Nam Ka) và điểm số 10 (Cánh đồng lúa ven núi lửa)	TMD	1,30		1,30	HNK,CLN	Quảng Phú,Nam N'Dir
II CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 78 VÀ ĐIỀU 79 LUẬT ĐẤT ĐAI THỰC							
-	Trung tâm xã Nam Đà	TSC; DVH; DTT; ONT	13,68		9,50	CLN	Xã Nam Nung
-	Mở rộng nghĩa trang xã Nam Đà	NTD	0,5		13,68	LUA,HNK,CLN	Nam Đà
-	Dự án: Đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến khoáng sản mỏ đá Bazan thôn Jôk Du, xã Nam Nung, huyện Krông Nô	SKS	9,5		0,50	CLN	Nam Đà
-	Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, trồng cây dược liệu và chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao	NKH	109,64		109,64	CLN, HNK	Xã Quảng Phú
-	Nhà máy VLXD gạch ngói không nung	SKC	5,17		5,17	NHK, CLN	Xã Quảng Phú
III CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THEO NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT KHÔNG THUỘC QUY ĐỊNH TẠI							
1	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở của hộ gia đình, cá nhân		22,52		22,52		
-	Buôn Choah	ONT	1,00		1,00	HNK,CLN	Buôn Choah
-	Đắc Drô	ONT	2,57		2,57	HNK,CLN	Đắc Drô
-	Đắc Nang	ONT	1,00		1,00	HNK,CLN	Đắc Nang
-	Đắc Sôr	ONT	1,00		1,00	HNK,CLN	Đắc Sôr
-	Đức Xuyên	ONT	1,00		1,00	HNK,CLN	Đức Xuyên
-	Nam Đà	ONT	6,00		6,00	HNK,CLN	Nam Đà
-	Nam Xuân	ONT	0,77		0,77	HNK,CLN	Nam Xuân

-	Nâm N'Dir	ONT	0,76		0,76	HNK,CL N,RSX	Nâm N'Dir
-	Nâm Nung	ONT	2,79		2,79	HNK,CL N	Nâm Nung
-	Quảng Phú	ONT	0,98		0,98	HNK,CL N	Quảng Phú
-	Tân Thành	ONT	2,65		2,65	HNK,CL N	Tân Thành
-	TT Đắc Mâm	ODT	2,00		2,00	HNK,CL N	TT Đắc Mâm
2	Chuyển mục đích trong nội bộ đất nông nghiệp						
-	Chuyển sang đất trồng cây lâu năm	CLN	15,41		15,41	HNK	Tân Thành
-	Chuyển sang đất trồng cây lâu năm	CLN	0,11		0,11	LUA	Quảng Phú
-	Chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,15		0,15	LUA	Đắc Drô
-	Chuyển sang đất trồng cây lâu năm	CLN	0,65		0,65	HNK	Đắc Sôr
-	Chuyển sang đất trồng cây lâu năm	CLN	3,10		3,10	LUK,HN K	Nam Đà
-	Chuyển sang đất trồng cây lâu năm	CLN	2,07		2,07	LUK,HN K	Nam Xuân